| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SÔNG LÔ**<br>**TỈNH VĨNH PHÚC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày 26 tháng 10 năm 2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ - TỈNH VĨNH PHÚC**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Quốc Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Bình; bà Dương Thị Thanh Tuyết.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô*: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/HSST, ngày 21 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Văn T, Sinh ngày: 24/4/1987 (tên gọi khác: không); sinh trú quán thôn L, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: không; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964 và con bà Đỗ Thị D, sinh năm 1961; có vợ là Tạ Thị T, sinh năm 1986; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2018 đến ngày 15/9/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Hôm nay có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại: ông Bùi Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ thôn K, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. (Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng: anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993; địa chỉ thôn L, xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. (Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 05 phút ngày 03/3/2018, Nguyễn Văn T thấy ông Bùi Văn H đang đặt bẫy chim Chìa Vôi ở gần đường bê tông thuộc thôn L, xã N. T có ý định chiếm đoạt con chim Chìa Vôi mồi nên T bảo ông H: "Cho tao con chim", ông H không cho. T du đẩy ông H làm ông H ngã

xuống ao gần đó. Khi xuống ao T dùng dép vụt vào ông H, ông H bò lên bờ thì T kéo ông H xuống nước, lúc đó có em trai T là Nguyễn Đức T đứng bên bờ ao cách đó khoảng 10m nhìn thấy và có lời nói can ngăn T, T lên bờ đi đến vị trí chiếc lồng chim cách đó khoảng 20m, xách lồng chim bên trong có con chim Chìa Vôi đi được khoảng mấy mét thì ông H chạy đến giằng lồng chim lại, T giằng co làm ông H ngã ngồi xuống đất, lồng chim bị rách và con chim Chìa Vôi bay mất nên T không lấy lồng chim nữa và đi về. Ông H cầm chiếc lồng chim về đến khu vực thôn A, xã Y, huyện Sông Lô, do chiếc lồng bị rách không còn sử dụng được nên đã vứt bỏ, sau đó đến trình báo Công an huyện Sông Lô.

Tại kết luận định giá tài sản số 13/BBĐG ngày 19/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sông Lô kết luận: Trị giá 01 chiếc lồng chim là 100.000 đồng đồng. Con chim Chìa Vôi trị giá 3.000.000 đồng.

Ông H bị thương tích nên cùng ngày đến trạm y tế xã N, huyện Sông Lô điều trị. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 85/TGT ngày 12/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc về tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Bùi Văn H kết luận:

*1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

*Các vết nám da, xây sát da nông, kích thước nhỏ, bề mặt đã đóng vảy tiết, có một số vết đã bong để lại vết màu hồng nhạt đã mô tả trên không có trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm.*

*Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích mô tả trên có thể do vật tày gây nên.*

*2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên thời điểm hiện tại là: 0%.*

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 chiếc dép tổ ong bên phải của Nguyễn Văn T; 01 chiếc mũ bảo hiểm và 01 chiếc áo sơ mi dài tay của ông Bùi Văn H. Đối với chiếc lồng chim ông H vứt bỏ, Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu giữ được.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho ông Bùi Văn H, ông H đã nhận đủ, không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS, ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 11/05/2018 đến ngày 15/9/2018. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận rõ sai phạm thực sự ăn năn hối hận về việc làm sai trái của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm, làm lại cuộc đời trở thành người công dân có ích cho xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện Sông Lô trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 17 giờ 05 phút ngày 03/3/2018, Nguyễn Văn T gặp ông Bùi Văn H đang đặt bẫy chim Chìa Vôi ở gần đường bê tông thuộc thôn L, xã N. Sau khi xin ông H con chim Chìa Vôi thì ông H không cho nên T liền du đẩy ông H làm ông H ngã xuống ao gần đó. Khi xuống ao T dùng dép vụt vào ông H, lúc đó có em trai T là Nguyễn Đức T đã can ngăn nên T lên bờ đi đến xách lồng chim bên trong có con chim Chìa Vôi đi thì ông H chạy đến giằng lồng chim lại, T giằng co làm ông H ngã, lồng chim bị rách và con chim Chìa Vôi bay mất nên T không lấy lồng chim nữa và đi về.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do vậy hành vi dùng vũ lực của Nguyễn Văn T đối với ông Bùi Văn H nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ như trên của bị cáo T đã cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

*"1. Người nào dùng vũ lực…nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm".*

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS, ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng và nếp sống văn minh cũng như đạo đức xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người có sức khoẻ nhưng không chịu làm ăn chân chính, chỉ vì muốn có tiền nên đã có hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ để phục vụ cho bản thân. Cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo Thu gây ra cho xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho người bị hại và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để tạo điều kiện cho bị cáo T sớm trở về với xã hội để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét thấy Nguyễn Văn T không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho ông Bùi Văn H, ông H đã nhận đủ, không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 chiếc dép tổ ong bên phải của Nguyễn Văn T dùng làm công cụ phạm tội; 01 chiếc mũ bảo hiểm và 01 chiếc áo sơ mi dài tay của ông Bùi Văn H vì không còn giá trị sử dụng.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo T đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 11/05/2018 đến ngày 15/9/2018.

3. Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc dép tổ ong, 01 chiếc mũ bảo hiểm và 01 chiếc áo sơ mi dài tay (Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sông Lô và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô ngày 24/9/2018).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm ./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc ;
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Sơ tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
*(đã ký)*

**Trần Quốc Hồng**